TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2026/DS-ST
Ngày: 29-4-2026
"V/v Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay và mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Việt

2. Ông Nguyễn Văn Chinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp*: Bà Lê Thị Mỹ Duyên– Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 626/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 239/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1999

Địa chỉ: Ấp G, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà M có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M trình bày:

Anh Nguyễn Minh T có nhận (mua) sữa, sâm của bà Lê Thị Tuyết M, cụ thể:

- Ngày 15/7/2025, Nguyễn Minh T có nhận 01 hộp sâm và 01 hộp sữa tại nhà Hồ N, có Thắng bạn của T chứng kiến. Lúc đó, bà Lê Thị Tuyết M bán cho T một hộp sữa với giá 360.000 đồng, 01 hộp sâm với giá 270.000 đồng. Tổng cộng là 630.000 đồng (Sáu trăm ba mươi nghìn đồng). Do ông T lấy ít, chỗ quen biết nên không có viết biên nhận.

Biên nhận ngày 27/7/2025, anh Nguyễn Minh T xác nhận có đến nhà bà Lê Thị Tuyết M mua:

- 04 thùng sữa, mỗi thùng 16 hộp x 04 thùng là 64 hộp sữa x 300.000 đồng/hộp = 19.200.000 đồng.

- 02 thùng sâm, mỗi thùng 16 hộp x 02 thùng = 32 hộp x 220.000 đồng/hộp = 7.040.000 đồng.

Tổng cộng là 26.240.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Cả hai lần mua sữa và sâm tổng cộng là 26.870.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Vào ngày 28/7/2025, Nguyễn Minh T có đến nhà bà Lê Thị Tuyết M vay số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Có viết biên nhận ngày 28/7/2025, anh T có ký tên xác nhận, hẹn 01 tháng sau sẽ trả tiền. Nhưng đến ngày hẹn mà anh T không trả tiền, bà M điện thoại thì anh T hứa hẹn với bà M hết lần này đến lần khác với nhiều lý do để không trả tiền cho bà M.

Bà Lê Thị Tuyết M yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc anh Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Tuyết M số tiền mua bán sữa, sâm là 26.870.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 27/7/2025 đến ngày 27/10/2025 (03 tháng) với lãi suất 1,66%/tháng là 1.338.126 đồng. Tổng cộng là 28.208.126 đồng (Hai mươi tám triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, một trăm hai mươi sáu đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 28/10/2025 đến khi bị đơn trả hết số tiền nợ cho bà Lê Thị Tuyết M đối với số tiền gốc là 26.870.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Buộc anh Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Tuyết M số tiền vay là 10.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 28/7/2025 đến ngày 28/10/2025 (03 tháng) với lãi suất 1,66%/tháng là 498.000 đồng. Tổng cộng là 10.498.000 đồng (Mười triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 28/10/2025 đến khi bị đơn trả hết số tiền nợ cho bà M đối với số tiền gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tại phiên tòa bà M xác định: Đối với số tiền mua bán ngày 15/7/2025, bà M chỉ yêu cầu anh T trả tiền 01 hộp sữa với giá 300.000 đồng, 01 hộp sâm với giá là 220.000 đồng, tổng số tiền là 520.000 đồng. Tổng số lượng sữa mà bà T đã bán

cho anh T là 65 hộp x 300.000 đồng = 19.500.000 đồng và 33 hộp sữa x 200.000 đồng = 7.260.000 đồng. Tổng số tiền mua bán là 26.760.000 đồng.

Tại phiên tòa bà M xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Yêu cầu anh Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Tuyết M số tiền mua bán sữa, sâm là 26.760.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 28/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/4/2026) làm tròn 06 tháng với số tiền là 1.332.600 đồng.

- Yêu cầu anh Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Tuyết M số tiền vay là 10.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 28/8/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/4/2026) làm tròn 08 tháng với số tiền là 664.000 đồng

Yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định đến khi anh T trả hết số tiền nợ cho bà M.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Minh T1 đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Biên nhận, ngày 27/7/2025 (bản chính)

- Biên nhận ngày 28/7/2025 (bản chính)

- Công văn số 32/CAX-CSKV ngày 17/3/2026 của Công an xã P.

- Biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Minh T2 ngày 04/4/2026

Tòa án đã thông báo cho bị đơn là anh Nguyễn Minh T biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 468, 430 của Bộ luật dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc anh Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Tuyết M số tiền mua bán còn nợ là 26.760.000 đồng và tiền lãi là 1.332.600 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Tuyết M số tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 664.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Tuyết M yêu cầu anh Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả số tiền vay, mua bán còn nợ và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay và mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 430, 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về tố tụng, xét thấy: Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Theo đơn khởi kiện bà M yêu cầu anh T số tiền mua bán còn nợ là 26.870.000 đồng, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 27/7/2025 . Yêu cầu trả số tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 28/7/2025. Và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong.

Tại phiên tòa tại phiên tòa nguyên đơn trình bày xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu anh Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Tuyết M số tiền mua bán còn nợ là 26.760.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83% tính từ ngày 28/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.332.600 đồng. Yêu cầu anh Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Tuyết M số tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83% tính từ ngày 28/8/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 664.000 đồng. Và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về nội dung:

[5.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết M yêu cầu anh Nguyễn Minh T trả tiền mua bán còn nợ là: 26.760.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 15/7/2025 anh T có mua của bà M sâm và sữa nghệ với số lượng là 01 hộp sâm, 01 hộp sữa. Việc mua bán không có làm biên nhận, tuy nhiên theo lời khai của anh Nguyễn Văn T3 xác nhận ngày 15/7/2025 có chứng kiến việc anh T có nhận của bà M 01 hộp sữa và 01 hộp sâm và không thấy việc hai bên có giao nhận tiền. Do đó có căn cứ xác định anh T có mua sữa và sâm của bà M.

Ngày 27/7/2025 anh T có mua 04 thùng sữa (mỗi thùng 16 hộp) và 02 thùng sâm (mỗi thùng 16 hộp), bà M chứng minh bằng Biên nhận đề ngày 27/7/2025 có chữ ký và ghi họ tên của anh Nguyễn Minh T.

Do đó, xác định việc các bên có xác lập hợp đồng mua bán là có thật. Tính đến nay anh T còn nợ bà M tổng số tiền 26.760.000 đồng. Tuy nhiên đến nay anh T đã không thực hiện đúng việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận và bà M đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh T vẫn không trả.

Bà M khởi kiện yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho M số tiền mua bán còn nợ là 26.760.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[5.2] Đối với yêu cầu của bà M yêu cầu anh T trả số tiền lãi đối với số tiền 26.760.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) tạm tính tính từ ngày 28/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 1.332.600 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận mua bán giữa bà M và anh T không có thỏa thuận về lãi suất cũng như không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán rõ ràng. Như vậy, bên chậm thực hiện nghĩa vụ phải chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày phát sinh tranh chấp (ngày nộp đơn khởi kiện). Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 28/10/2025 tạm tính đến ngày 29/4/2026 với số tiền 1.332.600 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5.3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà M yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền nợ là 10.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 28/7/2025 anh T có vay của bà M số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, khi vay có làm biên nhận, anh T có ký tên vào biên nhận vay tiền. Việc anh T ký biên nhận vay tiền với bà M là tự nguyện, không bị ai ép buộc, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định việc các bên có xác lập hợp đồng vay tiền là có thật.

Sau khi vay thì anh T đã không thực hiện đúng việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận và bà M đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh T vẫn không trả.

Do đó, việc bà M khởi kiện yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho M số tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[5.4]. Đối với yêu cầu của bà M yêu cầu anh T trả số tiền lãi đối với số tiền 10.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) tạm tính tính từ ngày 28/8/2025 đến ngày xét xử với số tiền là 664.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận vay tiền giữa bà M và anh T không thể hiện có thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán. Như vậy, bên chậm thực hiện nghĩa vụ phải chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 28/8/2025 tạm tính đến ngày 29/4/2026 với số tiền 664.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đồng thời, trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà M), cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn (bà M) nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn (anh T). Tuy nhiên, bị đơn (anh T) vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn (bà M).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Anh T có trách nhiệm trả cho bà M số tiền mua bán còn nợ là đồng 26.760.000, tiền lãi là 1.332.600 đồng, tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 664.000 đồng. Tổng số tiền là 38.756.600 đồng.

[6] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định như sau:

Anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền: 38.756.000 đồng x5% = 1.937.800 đồng.

Bà M không phải chịu án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí (người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí).

[7] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận (như đã nhận định trên).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Các Điều 357, 463, 468, 430 của Bộ luật dân sự;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147, 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết M.

Buộc anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Tuyết M số tiền 38.756.600 đồng (Ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìan sáu trăm đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.937.800 đồng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9;
- TAND Tỉnh;
- THADS tỉnh Đồng Tháp
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký